

**BỘ CÔNG AN
CÔNG AN TỈNH ĐẮK LẮK**

Số: 56 /TTr-CAT

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Đắk Lắk, ngày 04 tháng 3 năm 2025

TỜ TRÌNH

Về việc tham mưu ban hành Quyết định công bố danh mục và quy trình nội bộ trong giải quyết thủ tục hành chính mới ban hành trong lĩnh vực đăng ký, quản lý cư trú thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp xã áp dụng trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk



Kính gửi: Đồng chí Phạm Ngọc Nghị - Chủ tịch UBND tỉnh
- Tổ trưởng Tổ công tác triển khai Đề án 06 tỉnh

Ngày 16/01/2025, Bộ trưởng Bộ Công an ban hành Quyết định số 370/QĐ-BCA-C06 về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực đăng ký, quản lý cư trú thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công an. Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, Công an tỉnh tham mưu UBND tỉnh ban hành Quyết định công bố danh mục và quy trình nội bộ trong giải quyết thủ tục hành chính mới ban hành trong lĩnh vực đăng ký, quản lý cư trú thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp xã áp dụng trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

(có dự thảo Quyết định kèm theo)

Kính trình đồng chí Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt, ban hành./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Đ/c Giám đốc CAT (để b/c);
- VP UBND tỉnh;
- Phòng PV01 (để theo dõi);
- Lưu: VT, PC06.



**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Đại tá Trần Bình Hưng

Số: /QĐ-UBND

Đắk Lắk, ngày tháng 3 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố danh mục và quy trình nội bộ trong giải quyết
thủ tục hành chính mới ban hành trong lĩnh vực đăng ký, quản lý cư trú
thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp xã
áp dụng trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và
Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;*

*Căn cứ các Nghị định của Chính phủ số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010
về kiểm soát thủ tục hành chính; số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 sửa đổi, bổ
sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ các Thông tư của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ: số
02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục
hành chính; số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018 hướng dẫn thi hành một số
quy định của Nghị định 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực
hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Quyết định số 370/QĐ-BCA-C06 ngày 16/01/2025 của Bộ trưởng
Bộ Công an về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, được sửa đổi,
bổ sung trong lĩnh vực đăng ký, quản lý cư trú thuộc phạm vi chức năng quản lý
của Bộ Công an.*

Theo đề nghị của Chánh Văn phòng UBND tỉnh.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này 02 danh mục và quy trình nội bộ
trong giải quyết thủ tục hành chính (TTHC) mới ban hành trong lĩnh vực đăng
ký, quản lý cư trú thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp xã áp dụng trên
địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

(Chi tiết theo Phụ lục đính kèm)

Điều 2. Giao các cơ quan, đơn vị:

1. Sở Thông tin và Truyền thông

- Đăng tải công khai nội dung TTHC được công bố tại Quyết định này trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh.

- Chủ trì, phối hợp các cơ quan, đơn vị có liên quan xây dựng quy trình điện tử và tái cấu trúc quy trình thực hiện TTHC cung cấp dịch vụ công trực tuyến tại phần mềm Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh và cung cấp, tích hợp trên Cổng Dịch vụ công quốc gia khi đủ điều kiện.

Thời hạn chậm nhất 03 ngày làm việc kể từ ngày ban hành Quyết định.

2. UBND các xã, phường, thị trấn niêm yết công khai đầy đủ TTHC tại Bộ phận tiếp nhận và Trả kết quả theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày /3/2025.

Thủ trưởng các đơn vị: Văn phòng UBND tỉnh; Sở Thông tin và Truyền thông; UBND các xã, phường, thị trấn và các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Cục KSTTHC (VP Chính phủ);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Trung tâm HCC tỉnh; UBND cấp huyện (để biết);
- CVP, các PCVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KSTTHC.

CHỦ TỊCH

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH MỤC VÀ QUY TRÌNH NỘI BỘ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH
LĨNH VỰC ĐĂNG KÝ, QUẢN LÝ CƯ TRÚ THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA UBND CẤP XÃ
ÁP DỤNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐẮK LẮK

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày /3/2025 của UBND tỉnh Đắk Lắk)

I. Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành

TT	Tên TTHC	Cách thức thực hiện	Địa điểm thực hiện	Thời hạn giải quyết	Phí, lệ phí	Tên VBQPPL quy định thủ tục hành chính được chuẩn hoá
1	Xác nhận nơi thường xuyên đậu, đỗ: sử dụng phương tiện vào mục đích để ở	- <i>Cách thức thực hiện:</i> Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ một trong các hình thức sau: + Trên môi trường mạng tại địa chỉ trên Công dịch vụ công Quốc gia https://dichvucong.gov.vn hoặc Công dịch vụ công tỉnh https://dichvucong.daklak.gov.vn. (dịch vụ công trực tuyến toàn trình). + Trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính đến Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp xã. - <i>Trả kết quả giải quyết thủ</i>	- Nơi tiếp nhận và trả kết quả: Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp xã. - Cơ quan giải quyết TTHC: UBND cấp xã. - Thẩm quyền quyết định: UBND cấp xã.	02 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ	Không	- Luật Cư trú số 68/2020/QH14; - Nghị định số 154/2024/NĐ-CP ngày 26/11/2024.

TT	Tên TTHC	Cách thức thực hiện	Địa điểm thực hiện	Thời hạn giải quyết	Phí, lệ phí	Tên VBQPPL quy định thủ tục hành chính được chuẩn hoá
		<i>tục hành chính. Thông qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến, trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính.</i>				
2	Xác nhận về điều kiện diện tích bình quân nhà ở để đăng ký thường trú vào chỗ ở do thuê, mượn, ở nhờ; nhà ở, đất ở không có tranh chấp quyền sở hữu nhà ở, quyền sử dụng đất ở, không thuộc địa điểm không được đăng ký thường trú mới	<i>- Cách thức thực hiện:</i> Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ một trong các hình thức sau: + Trên môi trường mạng tại địa chỉ trên Cổng dịch vụ công Quốc gia https://dichvucong.gov.vn hoặc Cổng dịch vụ công tỉnh https://dichvucong.daklak.gov.vn (dịch vụ công trực tuyến toàn trình). + Trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính đến Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp xã. <i>- Trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính:</i> Thông qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến, trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính.	<i>- Nơi tiếp nhận và trả kết quả:</i> Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp xã. <i>- Cơ quan giải quyết TTHC:</i> UBND cấp xã. <i>- Thẩm quyền quyết định:</i> UBND cấp xã.	02 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ	Không	- Luật Cư trú số 68/2020/QH14; - Nghị định số 154/2024/NĐ-CP ngày 26/11/2024.

Lưu ý: Hình thức trực tuyến triển khai thực hiện sau 07 ngày làm việc kể từ ngày ban hành Quyết định (đối với trường hợp Bộ, ngành công khai chậm, thời hạn được tính từ ngày Bộ, ngành công khai trên cơ sở dữ liệu quốc gia về TTHC).

II. QUY TRÌNH GIẢI QUYẾT TTHC NỘI BỘ

1. Tên thủ tục hành chính: **Xác nhận nơi thường xuyên đậu, đỗ; sử dụng phương tiện vào mục đích để ở**

Thứ tự công việc	Nội dung công việc cụ thể	Đơn vị/ Người thực hiện	Thời gian thực hiện	Sản phẩm
Bước 1	- Tiếp nhận hồ sơ + Trực tiếp + Trực tuyến: Cổng dịch vụ công Quốc gia (https://dichvucong.gov.vn) hoặc Cổng dịch vụ công cấp tỉnh (https://dichvucong.daklak.gov.vn); + Qua dịch vụ bưu chính. 1. Kiểm tra tính đầy đủ của hồ sơ + Trường hợp hồ sơ đầy đủ, chính xác theo quy định, cán bộ, công chức, viên chức tiếp nhận hồ sơ và lập Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn ngày trả kết quả. + Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ: hướng dẫn tổ chức, cá nhân hoàn thiện (Đối với hồ sơ tiếp nhận qua bưu chính hoặc môi trường điện tử: thời hạn không quá 1 ngày làm việc). 2. Chuyển hồ sơ về Bộ phận chuyên môn giải quyết trong ngày làm việc hoặc chuyển vào đầu giờ ngày làm việc tiếp theo đối với trường hợp tiếp nhận sau 15 giờ hàng ngày.	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp xã	Không quá 0,5 ngày làm việc	Giấy hẹn hoặc Thông báo về tình trạng hồ sơ cần chỉnh sửa, các hướng dẫn (nếu có)
Bước 2	Cán bộ, công chức được phân công số hoá hồ sơ (nếu có) và xử lý hồ sơ theo quy định. * Trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết: Dự thảo văn bản nêu rõ lý do; trình lãnh đạo UBND cấp xã * Trường hợp hồ sơ đủ điều kiện giải quyết: Dự thảo nội dung xác nhận theo quy định; trình UBND cấp xã xác nhận.	Cán bộ, công chức bộ phận chuyên môn	01 ngày làm việc	Dự thảo Văn bản/Giấy xác nhận

Bước 3	Ký Văn bản trả lời, ghi rõ lý do/Xác nhận nơi thường xuyên đậu đỗ; sử dụng phương tiện vào mục đích để ở	Lãnh đạo UBND cấp xã	0,5 ngày làm việc	Kết quả giải quyết TTHC được ký duyệt
Bước 4	Đóng dấu; số hoá kết quả giải quyết và trả cho công dân	- Văn thư; Cán bộ, công chức chuyên môn; Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả	Ngay sau khi kết quả được phê duyệt	Kết quả giải quyết được số hoá, lưu trữ và trả cho công dân theo quy định
Tổng thời gian giải quyết TTHC: 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ				

2. Tên thủ tục hành chính: Xác nhận về điều kiện diện tích bình quân nhà ở để đăng ký thường trú vào chỗ ở do thuê, mượn, ở nhờ; nhà ở, đất ở không có tranh chấp quyền sở hữu nhà ở, quyền sử dụng đất ở, không thuộc địa điểm không được đăng ký thường trú mới

Thứ tự công việc	Nội dung công việc cụ thể	Đơn vị/ Người thực hiện	Thời gian thực hiện	Sản phẩm
Bước 1	- Tiếp nhận hồ sơ + Trực tiếp + Trực tuyến: Cổng dịch vụ công Quốc gia (https://dichvucong.gov.vn) hoặc Cổng dịch vụ công cấp tỉnh (<a href="https://dichvucong-
quy-lak.gov.vn">https://dichvucong- quy-lak.gov.vn): + Qua dịch vụ bưu chính. 1. Kiểm tra tính đầy đủ của hồ sơ + Trường hợp hồ sơ đầy đủ, chính xác theo quy định, cán bộ, công chức, viên chức tiếp nhận hồ sơ và lập Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn ngày trả kết quả.	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp xã	Không quá 0,5 ngày làm việc	Giấy hẹn hoặc Thông báo về tình trạng hồ sơ cần chỉnh sửa, các hướng dẫn (nếu có)

	+ Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ: hướng dẫn tổ chức, cá nhân hoàn thiện (Đối với hồ sơ tiếp nhận qua bưu chính hoặc môi trường điện tử: thời hạn không quá 1 ngày làm việc). 2. Chuyển hồ sơ về Bộ phận chuyên môn giải quyết trong ngày làm việc hoặc chuyển vào đầu giờ ngày làm việc tiếp theo đối với trường hợp tiếp nhận sau 15 giờ hàng ngày.			
Bước 2	Cán bộ, công chức được phân công số hoá hồ sơ (nếu có) và xử lý hồ sơ theo quy định. * Trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết: Dự thảo văn bản nêu rõ lý do; trình lãnh đạo UBND cấp xã * Trường hợp hồ sơ đủ điều kiện giải quyết: Dự thảo nội dung xác nhận theo quy định; trình UBND cấp xã xác nhận.	Cán bộ, công chức bộ phận chuyên môn	01 ngày làm việc	Dự thảo Văn bản/Giấy xác nhận
Bước 3	Ký Văn bản trả lời, ghi rõ lý do/Xác nhận tình trạng chỗ ở hợp pháp, diện tích nhà ở tối thiểu để đăng ký thường trú, đăng ký tạm trú	Lãnh đạo UBND cấp xã	0,5 ngày làm việc	Kết quả giải quyết TTHC được ký duyệt
Bước 4	Đóng dấu; số hoá kết quả giải quyết và trả cho công dân	- Văn thư; Cán bộ, công chức chuyên môn; Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả	Ngay sau khi kết quả được phê duyệt	Kết quả giải quyết được số hoá, lưu trữ và trả cho công dân theo quy định
Tổng thời gian giải quyết TTHC: 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ				

K/c 1C06 1 triệu cư các khu A, Hông - PRD chỉ đạo thực hiện. 28/2
vấn đề, thị trấn. 28/2 Hông

BỘ CÔNG AN
CỤC CẢNH SÁT QLHC VỀ TTXH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 849/C06-TTDLDC

V/v triển khai, thực hiện Nghị định
154/2024/NĐ-CP ngày 26/11/2024

Hà Nội, ngày 18 tháng 02 năm 2025

CÔNG AN TỈNH ĐẮK L	
ĐẾN	Số: 20.35.
Ngày: 25/2	
Chuyển:	
Số và ký hiệu hồ sơ:	

Kính gửi: Công an các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

28/2
ĐD 2
hưc m
Nguyễn
ham m
tên h
hưc h
102/2025
loanh

Ngày 26/11/2024, Chính phủ ban hành Nghị định số 154/2024/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Cư trú (sau đây viết gọn là Nghị định số 154/2024/NĐ-CP), có hiệu lực thi hành từ ngày 10/01/2025. Để triển khai thực hiện, Bộ Công an ban hành Quyết định số 370/QĐ-BCA-C06 ngày 16/01/2025 về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực đăng ký, quản lý cư trú thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Công an (sau đây viết gọn là Quyết định số 370/QĐ-BCA-C06). Để bảo đảm triển khai hiệu quả, thống nhất các chính sách, quy định mới tại Nghị định số 154/2024/NĐ-CP trên tinh thần **"tạo điều kiện, bảo đảm tốt hơn quyền và lợi ích của người dân về đăng ký cư trú, phục vụ hiệu quả công tác quản lý nhà nước về cư trú, phòng chống tội phạm"**, C06 đề nghị Công an các địa phương thực hiện một số nội dung như sau:

1. Tham mưu, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương công bố 02 thủ tục hành chính mới ban hành trong lĩnh vực đăng ký cư trú thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp xã theo Quyết định số 370/QĐ-BCA-C06: (1) Xác nhận nơi thường xuyên đậu, đỗ; sử dụng phương tiện vào mục đích để ở; (2) Xác nhận về điều kiện diện tích bình quân nhà ở để đăng ký thường trú vào chỗ ở do thuê, mượn, ở nhờ; nhà ở, đất ở không có tranh chấp quyền sở hữu nhà ở, quyền sử dụng đất ở, không thuộc địa điểm không được đăng ký thường trú mới. Đồng thời, chỉ đạo, hướng dẫn Ủy ban nhân dân cấp xã tiếp nhận, giải quyết yêu cầu liên quan đến xác nhận về phương tiện, chỗ ở, thông tin quan hệ nhân thân... để đăng ký cư trú theo quy định tại Nghị định 154/2024/NĐ-CP.

2. Sao gửi và quán triệt ngay những chính sách, quy định mới tại Nghị định số 154/2024/NĐ-CP tới lãnh đạo, cán bộ chiến sĩ, đặc biệt là cán bộ trực tiếp làm công tác đăng ký cư trú để thực hiện thống nhất. Đồng thời, tập trung tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng, niêm yết công khai điều kiện, thủ tục, các quy định mới của Nghị định số 154/2024/NĐ-CP, nhất là các quy định đã được sửa đổi, bổ sung để giải quyết các khó khăn, vướng mắc trong đăng ký, quản lý cư trú (đăng ký cư trú cho người chưa thành niên, đăng ký thường trú đối với chỗ ở hợp pháp đồng sở hữu...).

(Gửi kèm theo nội dung giới thiệu những điểm mới của Nghị định 154/2024/NĐ-CP)

3. Sau khi Nghị định số 154/2024/NĐ-CP được ban hành, C06 nhận được ý kiến của Công an các địa phương đề nghị hướng dẫn một số nội dung liên quan đến một số chính sách, quy định mới tại Nghị định này. Qua tổng hợp, C06 hướng dẫn như sau:

(1) Về giấy tờ, tài liệu, thông tin chứng minh chỗ ở hợp pháp

a) Trường hợp giấy tờ, tài liệu chứng nhận về quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất không có thông tin về nhà ở

Pháp luật về cư trú và các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn của Bộ Công an từ trước tới nay “không quy định việc phải có thông tin về nhà ở trong giấy chứng nhận về quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất khi đăng ký cư trú” để tạo điều kiện cho công dân, phù hợp với thực tiễn, khả thi khi thực hiện (các giấy tờ này do cơ quan có thẩm quyền cấp qua các thời kỳ rất nhiều trường hợp không có thông tin về nhà ở nhưng thực tiễn người dân đã có nhà ở). Do vậy, đối với trường hợp này, cơ quan đăng ký cư trú tiếp nhận, giải quyết hồ sơ và không yêu cầu công dân cung cấp thêm xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã về tình trạng có nhà trên đất.

b) Trường hợp giấy tờ, tài liệu chứng minh chỗ ở hợp pháp ghi mục đích sử dụng là đất thương mại, dịch vụ hoặc công trình phụ trợ khác: nhà văn phòng...

Theo quy định của pháp luật về đất đai, nhà ở thì đất thương mại, dịch vụ là đất sử dụng xây dựng các cơ sở kinh doanh, dịch vụ, thương mại và các công trình khác phục vụ cho kinh doanh, thương mại, dịch vụ (thuộc loại đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp); như vậy, đất thương mại dịch vụ sẽ không được phép xây dựng nhà ở. Hiện nay, pháp luật về cư trú chưa quy định cụ thể việc đăng ký cư trú đối với loại đất thương mại, dịch vụ nêu trên, do đó để tạo điều kiện thuận lợi cho công dân và công tác quản lý, đề nghị Công an địa phương hướng dẫn Công an cơ sở giải quyết như sau:

- Trường hợp giấy tờ, tài liệu chứng minh chỗ ở hợp pháp có thể hiện nội dung mục đích sử dụng là “đất dịch vụ kết hợp với đất ở” (Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất; Quyết định của UBND cấp huyện về việc giao đất làm mặt bằng sản xuất kinh doanh dịch vụ phi nông nghiệp và đất ở,...) thì Công an địa phương vận dụng quy định tại khoản 2, Điều 5 Nghị định số 154/2024/NĐ-CP và công dân phải đảm bảo các điều kiện khác theo quy định để xem xét giải quyết đăng ký thường trú.

- Trường hợp giấy tờ, tài liệu chứng minh chỗ ở hợp pháp không thể hiện nội dung mục đích sử dụng là “đất dịch vụ kết hợp với đất ở” thì Công an địa phương tham mưu, báo cáo, kiến nghị UBND cấp có thẩm quyền thực hiện việc chuyển đổi mục đích sử dụng của loại đất này sang đất ở theo quy định của pháp luật đất đai để giải quyết đăng ký thường trú bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp của công dân.

c) Đối với trường hợp giấy tờ chứng minh chỗ ở hợp pháp là “văn bản cam kết của công dân về việc có chỗ ở thuộc quyền sử dụng của mình, không có tranh chấp về quyền sử dụng và đang sinh sống ổn định, lâu dài tại chỗ ở đó”

Đây là quy định mới để tạo điều kiện bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp của công dân về cư trú, phục vụ hiệu quả hơn nữa công tác quản lý cư trú trên nguyên tắc “đăng ký phục vụ công tác quản lý” (nhất là đăng ký tạm trú). Do vậy, đối với trường hợp này, cơ quan đăng ký cư trú tiếp nhận, giải quyết hồ sơ và không yêu cầu công dân phải cung cấp thêm xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã về tình trạng chỗ ở hợp pháp, đồng thời, phải nâng cao trách nhiệm, thực hiện hiệu quả công tác “nắm hộ, nắm người” để bảo đảm việc tiếp nhận, xác minh và giải quyết bảo đảm đúng quy định.

d) Về các loại giấy tờ, tài liệu khác để xem xét cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất...theo quy định của pháp luật đất đai, nhà ở qua các thời kỳ

Việc ban hành quy định này để bảo đảm phù hợp, thống nhất với chính sách, quy định mới của Luật Đất đai năm 2024 liên quan đến “các loại giấy tờ để được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất và không phải nộp tiền sử dụng đất” (Điều 137 Luật Đất đai).

(2) Về đăng ký thường trú, đăng ký tạm trú cho người chưa thành niên

Một trong những nội dung mới được bổ sung tại Nghị định 154/2024/NĐ-CP (Điều 7) đó là quy định, hướng dẫn chi tiết về đăng ký thường trú cho người chưa thành niên vì đây là đối tượng đặc biệt được pháp luật bảo vệ (Luật Trẻ em), bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp về cư trú. Để triển khai thống nhất, hiệu quả nội dung này, đề nghị Công an địa phương:

a) Thực hiện rà soát, thống kê các trường hợp người chưa thành niên đã được đăng ký khai sinh nhưng chưa đăng ký thường trú mà **cha và mẹ hoặc cha hoặc mẹ hoặc người giám hộ có nơi thường trú trên địa bàn** để hướng dẫn thực hiện thủ tục đăng ký thường trú tại nơi thường trú này theo quy định tại khoản 2 Điều 7 Nghị định 154/2024/NĐ-CP.

b) Quá trình tiếp nhận, giải quyết hồ sơ đăng ký thường trú đối với các trường hợp này cần quán triệt và thực hiện thống nhất một số nội dung sau:

- Trường hợp đăng ký thường trú, đăng ký tạm trú cho người chưa thành niên thì cha hoặc mẹ hoặc người giám hộ thực hiện kê khai, xác nhận ý kiến vào Tờ khai thay đổi thông tin cư trú, không yêu cầu lấy ý kiến đồng ý của cả cha, mẹ và người giám hộ. Trường hợp người chưa thành niên được Tòa án quyết định giao cho cha hoặc mẹ chăm sóc, nuôi dưỡng thì cha hoặc mẹ là người được giao chăm sóc, nuôi dưỡng kê khai, xác nhận ý kiến vào Tờ khai thay đổi thông tin cư trú, không yêu cầu lấy ý kiến đồng ý của cha hoặc mẹ là người còn lại.

- Đối với trường hợp cha, mẹ hoặc người giám hộ không thể thực hiện kê khai Tờ khai thay đổi thông tin cư trú (không phải là người kê khai hồ sơ trực tuyến hoặc người trực tiếp nộp hồ sơ) do lý do khách quan nhưng thông qua công tác quản lý, xác minh vẫn xác định được nơi họ đang cư trú, như: đi nước

ngoài, chấp hành án...thì phải có văn bản ủy quyền cho người khác kê khai vào Tờ khai thay đổi thông tin cư trú, trong đó, văn bản ủy quyền không bắt buộc phải công chứng.

Trường hợp cha, mẹ hoặc người giám hộ không phải là người kê khai hồ sơ trực tuyến nhưng cha, mẹ hoặc người giám hộ xác thực việc đồng ý cho đăng ký thường trú thông qua ứng dụng định danh quốc gia hoặc dịch vụ công trực tuyến thì không phải thực hiện xác minh mối quan hệ của người chưa thành niên với người kê khai.

- Khi đăng ký thường trú, đăng ký tạm trú lần đầu cho người chưa thành niên theo quy định tại khoản 4 Điều 7 Nghị định số 154/2024/NĐ-CP thì cơ quan đăng ký cư trú không phải thực hiện kiểm tra, xác minh điều kiện về tính hợp pháp của chỗ ở và tình trạng cư trú của người chưa thành niên. Quy định này áp dụng chung đối với các trường hợp đăng ký thường trú, đăng ký tạm trú lần đầu cho người chưa thành niên (không căn cứ vào thời điểm người chưa thành niên được đăng ký khai sinh). Theo đó, đăng ký thường trú lần đầu cho người chưa thành niên không phải lấy ý kiến đồng ý của chủ hộ và chủ sở hữu chỗ ở hợp pháp.

- Việc xử phạt vi phạm hành chính đối với trường hợp đăng ký cư trú lần đầu cho người chưa thành niên áp dụng đối với những trường hợp sau:

+ Người chưa thành niên đã được giải quyết đăng ký khai sinh trước ngày Nghị định số 154/2024/NĐ-CP có hiệu lực (ngày 10/01/2025) và thực hiện đăng ký cư trú lần đầu sau 60 ngày kể từ ngày 10/01/2025.

+ Người chưa thành niên được giải quyết đăng ký khai sinh từ ngày 10/01/2025 trở về sau và thực hiện đăng ký cư trú lần đầu sau 60 ngày kể từ ngày đăng ký khai sinh.

Khi tiếp nhận giải quyết hồ sơ đăng ký cư trú lần đầu cho người chưa thành niên, nếu phát hiện thuộc trường hợp xử phạt vi phạm hành chính, cơ quan đăng ký cư trú liên hệ và thông báo tới cha hoặc mẹ hoặc chủ hộ hoặc người giám hộ của người chưa thành niên để thực hiện nghĩa vụ nộp phạt vi phạm hành chính theo quy định pháp luật. Các tài liệu liên quan đến việc xử phạt vi phạm hành chính lưu vào hồ sơ đăng ký cư trú để lưu trữ trong tàng thư căn cước, cư trú theo quy định.

- Đối với trường hợp người chưa thành niên đăng ký khai sinh ở nước ngoài, trong giấy khai sinh chưa có số định danh cá nhân, hiện đang sinh sống tại Việt Nam khi thực hiện thủ tục đăng ký cư trú, cơ quan đăng ký cư trú thực hiện thu thập, cập nhật thông tin người chưa thành niên vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, xác lập số định danh cá nhân theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 11 Nghị định 70/2024/NĐ-CP ngày 25/6/2024 của Chính phủ và hướng dẫn công dân thực hiện thủ tục đăng ký cư trú theo quy định. Thời gian thu thập, cập nhật thông tin vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và xác lập số định danh cá nhân không tính vào thời hạn 60 ngày để xử phạt vi phạm hành chính.

(3) Về một số nội dung đăng ký, quản lý cư trú theo quy định Điều 8 Nghị định số 154/2024/NĐ-CP

- Trường hợp đăng ký cư trú theo quy định tại khoản 6, khoản 7 Điều 8 Nghị định 154/2024/NĐ-CP mà đăng ký cư trú vào chỗ ở hợp pháp do thuê, mượn, ở nhờ (khoản 3 Điều 20 Luật Cư trú số 68/2020/QH14) thì diện tích nhà ở tối thiểu để đăng ký cư trú phải bảo đảm đủ cho người thay đổi thông tin cư trú và những người đi kèm trong hồ sơ.

- Đối với tất cả các trường hợp đăng ký tạm trú, khi hết thời hạn tạm trú, đại diện thành viên hộ gia đình được kê khai, đăng ký gia hạn tạm trú cho bản thân hoặc các thành viên khác trong hộ gia đình khi được chủ sở hữu chỗ ở hợp pháp đồng ý, không phải xuất trình, cung cấp giấy tờ chứng minh chỗ ở hợp pháp.

(4) Về 02 thủ tục hành chính mới ban hành trong lĩnh vực đăng ký, quản lý cư trú thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp xã

a) Về cách thức nộp hồ sơ đề nghị xác nhận:

- Đối với thủ tục “Xác nhận nơi thường xuyên đậu, đỗ; sử dụng phương tiện vào mục đích để ở”: công dân nộp hồ sơ đăng ký cư trú và Tờ khai đề nghị xác nhận nơi thường xuyên đậu, đỗ; sử dụng phương tiện vào mục đích để ở bằng phương thức trực tiếp, trực tuyến hoặc dịch vụ bưu chính công ích đến cơ quan đăng ký cư trú.

- Đối với thủ tục “Xác nhận về điều kiện diện tích bình quân nhà ở để đăng ký thường trú vào chỗ ở do thuê, mượn, ở nhờ; nhà ở, đất ở không có tranh chấp quyền sở hữu nhà ở, quyền sử dụng đất ở, không thuộc địa điểm không được đăng ký thường trú mới” thì công dân nộp hồ sơ đề nghị xác nhận theo hai cách thức: ⁽¹⁾ nộp trực tuyến, trực tiếp, dịch vụ bưu chính công ích tới Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cư trú; ⁽²⁾ nộp tới cơ quan đăng ký cư trú cùng hồ sơ đăng ký thường trú, đăng ký tạm trú.

b) Trường hợp công dân nộp hồ sơ đề nghị xác nhận nơi thường xuyên đậu, đỗ; sử dụng phương tiện vào mục đích để ở; xác nhận về điều kiện diện tích bình quân nhà ở để đăng ký thường trú vào chỗ ở do thuê, mượn, ở nhờ; nhà ở, đất ở không có tranh chấp quyền sở hữu nhà ở, quyền sử dụng đất ở, không thuộc địa điểm không được đăng ký thường trú mới cùng hồ sơ đăng ký cư trú: cơ quan đăng ký cư trú có trách nhiệm chuyển hồ sơ đề nghị xác nhận đến Ủy ban nhân dân cấp xã. Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cư trú xem xét, xác nhận, trường hợp từ chối giải quyết thì phải trả lời bằng văn bản, nêu rõ lý do và chuyển các văn bản này cho cơ quan đăng ký cư trú để xem xét, giải quyết đăng ký cư trú cho công dân.

c) Thời hạn giải quyết hồ sơ đăng ký cư trú được tính từ khi cơ quan đăng ký cư trú nhận được kết quả xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã.

d) Về việc sử dụng mẫu:

- Mẫu số 01 và Mẫu số 02 có thể dùng để nghị xác nhận một hoặc cả hai nội dung của biểu mẫu theo đề nghị của công dân.

- Tại mẫu số 02: Tại mục xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã: điều chỉnh “(1)” thành “(2)”.

(5) Theo quy định tại khoản 9 Điều 9 Nghị định số 154/2024/NĐ-CP, sau khi thực hiện việc xóa đăng ký thường trú, cơ quan đăng ký cư trú thông báo bằng văn bản giấy hoặc bản điện tử hoặc hình thức điện tử khác cho người bị xóa đăng ký thường trú hoặc đại diện hộ gia đình. Trường hợp không xác định được nơi cư trú hiện tại của hộ gia đình có người bị xóa đăng ký thường trú để liên hệ gửi thông báo thì cơ quan đăng ký cư trú có văn bản trao đổi, thông báo với đại diện chính quyền địa phương nơi đăng ký thường trú của hộ gia đình về việc không liên hệ được với hộ gia đình có người bị xóa đăng ký thường trú. Đồng thời, lưu các tài liệu này vào hồ sơ xóa đăng ký thường trú để lưu trữ trong tàng thư căn cước, cư trú theo quy định.

Nhận được công văn này, đề nghị Công an các địa phương nghiêm túc triển khai thực hiện. Quá trình thực hiện có khó khăn, vướng mắc báo cáo về C06 (qua Trung tâm dữ liệu quốc gia về dân cư) để được hướng dẫn./.

Nơi nhận:

- Như trên (để thực hiện);
- Đ/c Cục trưởng (để báo cáo);
- V03 (để theo dõi);
- Lưu: VT, TTDLDC (tổ 3).

**KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG**



Đại tá Vũ Văn Tấn

**NHỮNG ĐIỂM MỚI CỦA NGHỊ ĐỊNH SỐ 154/2024/NĐ-CP
NGÀY 26/11/2024 QUY ĐỊNH CHI TIẾT MỘT SỐ ĐIỀU
VÀ BIỆN PHÁP THI HÀNH LUẬT CƯ TRÚ**

Công tác quản lý cư trú, quản lý dân cư có vai trò quan trọng trong việc hoạch định chính sách phát triển kinh tế, xã hội, bảo đảm an ninh, trật tự và thực hiện chính sách an sinh xã hội. Trong điều kiện đất nước ta đang đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và chủ động hội nhập quốc tế, yêu cầu đặt ra là phải hiện đại hóa công tác quản lý cư trú theo hướng ứng dụng thành tựu khoa học, kỹ thuật, công nghệ tiên tiến, phù hợp với xu hướng của các nước trên thế giới, hiện nay, các bộ, ngành, địa phương đang đồng thời tiến chuyển đổi số, cải cách thủ tục hành chính, xây dựng hệ thống Cơ sở dữ liệu. Để triển khai đồng bộ, hiệu quả nội dung trên, Bộ Công an đã tham mưu, đề xuất Chính phủ trình Quốc hội thông qua Luật Cư trú số 68/2020/QH14 ngày 13/11/2020, tại kỳ họp thứ 10 và có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2021, Nghị định 62/2021/NĐ-CP ngày 25/6/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Cư trú. Đồng thời, triển khai xây dựng và đi đưa vào vận hành hệ thống Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, đây có thể coi là nền tảng để xây dựng Chính phủ điện tử, hướng tới Chính phủ số, xã hội số, công dân số trong đó lấy người dân làm trung tâm, rút ngắn khoảng cách giữa người dân với các cơ quan Nhà nước thông qua việc ứng dụng công nghệ thông tin nhằm nâng cao chất lượng phục vụ người dân. Qua 03 năm triển khai thực hiện đã góp phần mang lại kết quả đáng khích lệ trong thực hiện Luật Cư trú, đặc biệt trong giai đoạn chuyển đổi số hiện nay. Tuy nhiên, qua thực tiễn thấy rằng, một số quy định của Nghị định 62/2021/NĐ-CP vẫn còn bất cập, hạn chế cần được sửa đổi, bổ sung để đáp ứng tình hình thực tiễn, nâng cao hiệu quả, giá trị góp phần quản lý và phát triển kinh tế - xã hội, bảo vệ an ninh quốc gia, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội, cụ thể:

Một là, Đề án số 06/QĐ-TTg của Chính phủ về “Phát triển ứng dụng dữ liệu dân cư, định danh và” xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022-2025, tầm nhìn đến 2030” đã xác định 1 trong 5 nhóm nhiệm vụ trọng tâm là “ứng dụng dữ liệu dân cư *phục vụ giải quyết thủ tục hành chính và cung cấp dịch vụ công trực tuyến*”. Theo đó, các quy định của pháp luật liên quan đến việc thực hiện thủ tục hành chính trong lĩnh vực đăng ký, quản lý cư trú cần được sửa đổi, bổ sung theo hướng cải cách, đơn giản hóa thủ tục hành chính nhằm phục vụ chuyển đổi số quốc gia, đặc biệt là việc đẩy mạnh cung cấp dịch vụ công trực tuyến.

Hai là, Quốc hội khóa XV đã ban hành một số văn bản quy phạm pháp luật có nội dung liên quan trực tiếp tới quy định của pháp luật về cư trú như Luật Giao dịch điện tử, Luật Căn cước, Luật Nhà ở, Luật Kinh doanh bất động sản, Luật Đất đai. Đây là những văn bản quy phạm pháp luật có nhiều nội dung tác động trực tiếp đến một số quy định tại Nghị định số 62/2021/NĐ-CP, nhất là các quy định liên quan đến giấy tờ, tài liệu, thông tin chứng minh chỗ ở hợp pháp để

đăng ký cư trú, thông tin công dân trong Cơ sở dữ liệu về cư trú và việc tiếp nhận, giải quyết đăng ký cư trú trên môi trường điện tử.

Ba là, qua thực tiễn triển khai thi hành, một số quy định của Nghị định đã phát sinh bất cập, hạn chế cần được sửa đổi, bổ sung theo hướng tạo điều kiện thuận lợi nhất cho công dân trong đăng ký cư trú, phục vụ hiệu quả yêu cầu quản lý, đảm an ninh trật tự trong tình hình mới như: đăng ký cư trú đối với đối tượng đặc thù (người chưa thành niên, người lao động tại công trường, công trình xây dựng, khu công nghiệp...), chỗ ở đặc thù (nhà xây trên đất nông nghiệp hoặc nhà ở thuộc diện quy hoạch, giải tỏa; nhà xây dựng chưa được cấp phép...;

Xuất phát từ những lý do nêu ngày 26/11/2024, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 154/2024/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Cư trú thay thế Nghị định số 62/2021/NĐ-CP để đảm bảo phù hợp với đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước, bảo đảm tính hợp hiến, hợp pháp, tính thống nhất, đồng bộ trong hệ thống pháp luật, đáp ứng yêu cầu thực tiễn đặt ra hiện nay cũng như những năm tiếp theo. Nghị định số 154/2024/NĐ-CP có nhiều quy định mới, cụ thể như sau:

Thứ nhất, Nghị định số 154/2024/NĐ-CP đã có sự điều chỉnh về tên gọi so với Nghị định số 62/2021/NĐ-CP từ “*Nghị định quy định chi tiết một số điều của Luật Cư trú*” thành “*Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Cư trú*” theo đó phạm vi điều chỉnh cũng có sự thay đổi theo hướng ngoài các nội dung được Luật Cư trú giao Chính phủ quy định chi tiết, Nghị định cũng hướng dẫn cụ thể việc đăng ký cư trú cho người chưa thành niên và một số nội dung đăng ký, quản lý cư trú để thống nhất trong triển khai thực hiện trên toàn quốc.

Thứ hai, Nghị định số 154/2024/NĐ-CP cũng sửa đổi, bổ sung quy định về nơi cư trú của người sinh sống, người làm nghề lưu động trên tàu, thuyền hoặc phương tiện khác có khả năng di chuyển, cụ thể: Theo quy định của Luật Cư trú thì trường hợp công dân sinh sống, làm nghề lưu động trên tàu, thuyền hoặc phương tiện khác có khả năng di chuyển trong trường hợp không đăng ký tại nơi đăng ký phương tiện hoặc phương tiện không phải đăng ký thì phải có xác nhận nơi thường xuyên đậu đỗ. Nhằm đơn giản hóa, rút ngắn thời gian giải quyết thủ tục hành chính, tạo điều kiện thuận lợi cho người dân giúp người dân không phải đi lại nhiều lần, Nghị định số 154/2024/NĐ-CP đã sửa đổi, bổ sung quy định về việc công dân không phải thực hiện thủ tục đề nghị Ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận nơi thường xuyên đậu, đỗ; theo đó, công dân có thể thực hiện thủ tục này khi thực hiện thủ tục đăng ký thường trú, đăng ký tạm trú tại cơ quan đăng ký cư trú (nộp hồ sơ đăng ký cư trú kèm theo Tờ khai đề nghị xác nhận nơi thường xuyên đậu, đỗ; sử dụng phương tiện vào mục đích). Cơ quan quản lý đăng ký cư trú có trách nhiệm chuyển Tờ khai đến Ủy ban nhân dân cấp xã. Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được Tờ khai, Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét, xác nhận, trường hợp từ chối giải quyết thì phải trả lời

bằng văn bản, nêu rõ lý do và chuyển các văn bản này cho cơ quan đăng ký cư trú để xem xét, giải quyết đăng ký cư trú cho công dân. Đồng thời, để thống nhất khi triển khai thực hiện, Nghị định số 154/2024/NĐ-CP cũng đã quy định kèm theo biểu mẫu Tờ khai đề nghị xác nhận nơi thường xuyên ở, đỗ; sử dụng phương tiện vào mục đích để ở và quy định cụ thể 03 hình thức tiếp nhận hồ sơ (trực tiếp, trực tuyến hoặc dịch vụ bưu chính công ích) để người dân có thể lựa chọn hình thức phù hợp nhất với mình để thực hiện.

Thứ ba, điều chỉnh, bổ sung nhiều nội dung mới quy định về giấy tờ, tài liệu chứng minh chỗ ở hợp pháp, giấy tờ chứng minh mối quan hệ nhân thân khi thực hiện thủ tục đăng ký cư trú. Theo đó, khi tiếp nhận hồ sơ đăng ký cư trú, cơ quan đăng ký cư trú có trách nhiệm khai thác thông tin về chỗ ở hợp pháp, giấy tờ chứng minh mối quan hệ nhân thân trong các Cơ sở dữ liệu, hệ thống thông tin... để giải quyết đăng ký cư trú mà không yêu cầu công dân xuất trình các loại giấy tờ này, cụ thể: cơ quan đăng ký cư trú có trách nhiệm căn cứ vào thông tin chứng minh về chỗ ở hợp pháp, giấy tờ chứng minh mối quan hệ nhân thân do công dân cung cấp để khai thác trong căn cước điện tử, tài khoản định danh điện tử trên hệ thống định danh và xác thực điện tử qua Ứng dụng định danh quốc gia hoặc trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Cơ sở dữ liệu về cư trú, Kho quản lý dữ liệu điện tử tổ chức, cá nhân trên Cổng dịch vụ công quốc gia, Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính cấp bộ, cấp tỉnh hoặc cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành khác. Trường hợp công dân đã cung cấp thông tin nhưng cơ quan đăng ký cư trú không khai thác được thông tin thì cơ quan đăng ký cư trú có trách nhiệm kiểm tra, xác minh để giải quyết thủ tục về cư trú; công dân có trách nhiệm cung cấp bản sao, bản chụp, bản điện tử một trong các giấy tờ, tài liệu chứng minh về chỗ ở hợp pháp khi cơ quan đăng ký cư trú có yêu cầu.

Bên cạnh đó, Nghị định số 154/2024/NĐ-CP đã quy định cụ thể hơn về các loại giấy tờ, tài liệu chứng minh chỗ ở hợp pháp đăng ký thường trú và giấy tờ, tài liệu chứng minh chỗ ở hợp pháp để đăng ký tạm trú: (1) sửa đổi, bổ sung các loại giấy tờ, tài liệu chứng minh chỗ ở hợp pháp để đăng ký thường trú để phù hợp, thống nhất với các quy định mới liên quan đến giấy tờ, tài liệu chứng minh quyền sở hữu, sử dụng nhà ở, đất ở được quy định tại Luật Kinh doanh bất động sản, Luật Đất đai và Luật Nhà ở năm 2023; (2) xây dựng biểu mẫu “Xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã về điều kiện diện tích bình quân bảo đảm theo quy định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương” ban hành kèm theo Nghị định để thống nhất sử dụng chung trong phạm vi toàn quốc; (3) bổ sung quy định về việc công dân có thể có văn bản cam kết về việc có chỗ ở thuộc quyền sử dụng của mình, không có tranh chấp về quyền sử dụng và đang sinh sống ổn định, lâu dài tại chỗ ở đó nếu không có một trong các giấy tờ, tài liệu khi đăng ký tạm trú để tạo điều kiện thuận lợi tối đa cho công dân, phục vụ hiệu quả công tác quản lý cư trú.

Thứ năm, bổ sung nội dung quy định, hướng dẫn chi tiết việc đăng ký thường trú cho người chưa thành niên để tạo điều kiện tối đa, bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp cho đối tượng này khi đăng ký thường trú, cụ thể:

(1) Để phù hợp với quy định tại Điều 12 Luật Cư trú về nơi cư trú của người chưa thành niên, Nghị định quy định làm rõ về trường hợp người chưa thành niên đăng ký thường trú, đăng ký tạm trú tại nơi thường trú, nơi tạm trú của cha, mẹ hoặc cha hoặc mẹ thì cha hoặc mẹ hoặc người giám hộ thực hiện kê khai, xác nhận ý kiến vào Tờ khai thay đổi thông tin cư trú. Trường hợp người chưa thành niên đăng ký thường trú, đăng ký tạm trú tại nơi thường trú, nơi tạm trú không phải là nơi thường trú, nơi tạm trú của cha, mẹ hoặc người giám hộ thì cha hoặc mẹ hoặc người giám hộ thực hiện kê khai, xác nhận ý kiến vào Tờ khai thay đổi thông tin cư trú. Trường hợp người chưa thành niên được Tòa án quyết định giao cho cha hoặc mẹ chăm sóc, nuôi dưỡng thì người được giao chăm sóc, nuôi dưỡng kê khai, xác nhận ý kiến vào Tờ khai thay đổi thông tin cư trú.

(2) Nghị định cũng quy định trong thời hạn tối đa 60 ngày kể từ khi người chưa thành niên được đăng ký khai sinh thì cha hoặc mẹ hoặc chủ hộ hoặc người giám hộ có trách nhiệm thực hiện đăng ký thường trú, đăng ký tạm trú, khai báo thông tin về cư trú cho người chưa thành niên. Đặc biệt, người chưa thành niên, nhất là người chưa thành niên mới sinh chưa được đăng ký cư trú là đối tượng đặc biệt được pháp luật bảo vệ (Luật Trẻ em), để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cho đối tượng này về cư trú và các pháp luật khác có liên quan, vì vậy, Nghị định cũng quy định làm rõ một số nội dung của Luật Cư trú để đăng ký cư trú cho người chưa thành niên đảm bảo quyền của trẻ em về cư trú.

Thứ sáu, bổ sung các quy định liên quan đến việc lấy ý kiến của chủ sở hữu chỗ ở hợp pháp khi đăng ký cư trú, quy định cụ thể việc đăng ký cư trú đối với trường hợp “hộ gia đình chuyển đến nơi cư trú mới” theo hướng cải cách thủ tục hành chính, thuận lợi, thống nhất trong triển khai thực hiện, cụ thể: ⁽¹⁾ làm rõ quy định về đăng ký thường trú vào chỗ ở hợp pháp trường hợp công dân đăng ký thường trú vào chỗ ở hợp pháp thuộc quyền sở hữu của mình mà chỗ ở hợp pháp đó có nhiều hơn một chủ sở hữu thì không cần có ý kiến đồng ý của những người đồng sở hữu còn lại; ⁽²⁾ quy định chi tiết về lấy ý kiến của chủ sở hữu khi đăng ký thường trú vào chỗ ở hợp pháp không thuộc sở hữu của mình; lấy ý kiến của chủ sở hữu khi chủ sở hữu là người bị mất năng lực hành vi dân sự, người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi theo quy định của Bộ luật Dân sự, người dưới 18 tuổi, người bị tuyên bố mất tích, người đã chết; ⁽³⁾ quy định các phương thức lấy ý kiến đồng ý của chủ hộ, chủ sở hữu chỗ ở hợp pháp, người đại diện hợp pháp, người thừa kế theo quy định pháp luật, cha, mẹ, người giám hộ khác nhau để người dân có nhiều lựa chọn và lựa chọn phương thức phù hợp nhất với mình; ⁽⁴⁾ quy định cụ thể về hồ sơ đăng ký cư trú với các trường hợp khác nhau khi đăng ký thường trú đến chỗ ở hợp pháp mới; các trường hợp bị hủy đăng ký cư

trú; việc trách nhiệm quản lý công dân bị xóa đăng ký thường trú, nơi tạm trú mà chưa xác định được nơi ở hiện tại.

Thứ bảy, bổ sung quy định, hướng dẫn cụ thể về hồ sơ, thủ tục cấp giấy Xác nhận về điều kiện diện tích bình quân nhà ở để đăng ký thường trú vào chỗ ở do thuê, mượn, ở nhờ; nhà ở, đất ở không có tranh chấp quyền sở hữu nhà ở, quyền sử dụng đất ở, không thuộc địa điểm không được đăng ký thường trú mới để thống nhất thực hiện trong phạm vi toàn quốc. Theo đó, công dân có thể nộp hồ sơ này đến ủy ban nhân dân cấp xã nơi công dân đề nghị đăng ký thường trú hoặc đến cơ quan đăng ký cư trú cùng hồ sơ đề nghị đăng ký thường trú.

Thứ tám, điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung quy định về thông tin trong Cơ sở dữ liệu về cư trú; quy định về thu thập, cập nhật, điều chỉnh, quản lý, kết nối, chia sẻ, khai thác thông tin trong Cơ sở dữ liệu về cư trú để phù hợp với quy định của Luật Căn cước 2023, Luật Giao dịch điện tử 2023 và các pháp luật khác có liên quan cho phù hợp và thống nhất.

Thứ chín, bổ sung nội dung quy định cụ thể trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã trong việc đăng ký cư trú. Quy định này để gắn trách nhiệm, xây dựng hành lang pháp lý làm căn cứ để Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện thực hiện một số nội dung quy định liên quan đến đăng ký cư trú. Theo đó Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm tiếp nhận, giải quyết yêu cầu xác nhận nơi thường xuyên đậu, đỗ; sử dụng phương tiện vào mục đích để ở hoặc văn bản chấp thuận cho phương tiện đậu, đỗ; Xác nhận thông tin quan hệ nhân thân, đối tượng thuộc điểm b, điểm c khoản 2 Điều 20 Luật Cư trú, thông tin về chỗ ở hợp pháp, không có tranh chấp, bảo đảm diện tích bình quân để đăng ký thường trú cho công dân trên cơ sở đề xuất của công chức tư pháp - hộ tịch, địa chính, Công an cấp xã; Cập nhật thông tin về hộ tịch, cấp giấy tờ liên quan đến nhân thân cho công dân theo thẩm quyền bảo đảm chính xác, kịp thời, phù hợp, thống nhất với thông tin của công dân trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Cơ sở dữ liệu về cư trú.